

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày 09-7-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ
2. Ông Nguyễn Chí Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2018/TLST-HNGĐ ngày 05-12-2018, về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03-6-2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 01-11-2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 06-11-2009, đến ngày 06-6-2014 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình chung sống, chị và anh N thường hay cãi nhau do bất đồng quan điểm, anh N không lo cho gia đình, thường hay nhậu và kiếm chuyện chửi chị, chị và anh N chung sống không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 13-01-2014, hiện chị đang nuôi con. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng cho con: Chị không yêu cầu anh N nộp cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đối với anh Nguyễn Văn N, trong quá trình tố tụng anh vắng mặt, không có nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Gọn.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị khắc phục về tố tụng.

Về ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn anh Nguyễn Văn N, cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đơn là anh Nguyễn Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Về nội dung: Xét hôn nhân giữa chị G và anh N là hôn nhân hợp pháp, anh chị chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2009, đến ngày 06-6-2014 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thị xã C, tỉnh T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống chung vợ chồng giữa chị G và anh N không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, anh N thường hay đi nhậu về kiếm chuyện chửi chị G. Vợ chồng số ly thân từ năm 2018 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập chị G và anh N nhiều lần để tiến hành hòa giải, nhưng anh N vắng mặt, không thể hiện thiện chí hòa giải để đoàn tụ. Xét mâu thuẫn tình vợ chồng giữa chị G và anh N đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G.

Về con chung: Chị G và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 13-01-2014, hiện chị G đang nuôi con. Chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét từ ngày chị G và anh N sống ly thân, cháu T sống với chị G được chị chăm sóc

chu đáo, cháu đã có cuộc sống ổn định bên chị G nên việc chị G yêu cầu trực tiếp nuôi con là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng cho con: Chị G không yêu cầu anh N nộp cấp dưỡng cho con, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G trình bày chị và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2]. Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[3]. Xét ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị G được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 13-01-2014, hiện chị đang nuôi.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 19564 ngày 05-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

5. Chị G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- + NĐ: (01);
- + BĐ: (01);
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS. H. Tân Phước;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- UBND xã Mỹ Hạnh Đông, TX .Cai Lậy- TG;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Thanh Liêm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

